

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 273/2018/QĐST-HNGĐ

T, ngày 18 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 391/2018/ TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Th, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Thạch S, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp Vàm Buôn, xã Ngãi Xuyên, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; 57; 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Thạch Thị Th và anh Thạch S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Th và anh Thạch S thống nhất ly hôn.

- Về con chung: Thạch Thị Th Thảo, sinh ngày 17/02/2011 chị Th và anh S tự thỏa thuận giao con cho chị Th nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Thảo là được sống chung với chị Th. Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đ cấp từ ngày 10/11/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với

bên trực tiếp nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm cho chị Thạch Thị Th và anh S vì anh, chị là người dân tộc sống ở xã đặc biệt khó khăn. Căn cứ biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017079 và 0017080 ngày 11/9/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện T thì chị Th được nhận lại 737.000 đ (bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- THA huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài Thanh